TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 330 /2025/DS-PT Ngày 27 - 5 - 2025 V/v trông chấp "Đòi quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

Ông Trần Hữu Tính.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 610/2024/TLPT-DS ngày 18/12/2024 về việc tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 788/2024/QĐ-PT ngày 26/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hiếu N, sinh năm 1934;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hiếu N: Bà Trần Thị Lễ E, sinh năm 1979 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/9/2020) (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Hiếu N: Luật sư Phạm Ngọc D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh P: Ông Bùi Quang N1, sinh năm 1956 (theo giấy ủy quyền ngày 15/01/2021) (có mặt);

Địa chỉ: Số D, tổ B, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Trần Thị Lễ E, sinh năm 1979 (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Lễ E: Luật sư Phạm Ngọc D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số D ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Trần Thị N2, sinh năm 1960 (xin vắng mặt);

6. Bà Trần Thị T, sinh năm 1963 (xin vắng mặt);

7. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8. Trần Minh T1, sinh ngày 28/02/2014;

Người đại diện theo pháp luật của Trần Minh T1: Bà Trần Thị Lễ E, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Chị Lê Thị Kim L3, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10. Cháu Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 19/10/2008;

11. Cháu Nguyễn Lê Phú Q, sinh ngày 20/5/2014;

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Anh T2, Nguyễn Lê Phú Q: Chị Lê Thị Kim L3, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

12. Bà Trần Thị L4, sinh năm 1973 (chết năm 1996, không có chồng, con);

13. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1940 (chết 2012);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị S:

13.1. Ông Trần Hiếu N, sinh năm 1934;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Hiếu N: Bà Trần Thị Lễ E, sinh năm 1979 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/9/2020) (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

13.2. Ông Trần Văn P1, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

13.3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

13.4. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số D ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

13.5. Bà Trần Thị N2, sinh năm 1960 (xin vắng mặt);

13.6. Bà Trần Thị T, sinh năm 1963 (xin vắng mặt);

13.7. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1970 (có mặt);

13.8. Bà Trần Thị Lễ E, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn L5, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Nguyễn Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm,*

Bà Trần Thị Lễ E - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hiếu N đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Gia đình bà có quyền sử dụng đất đối với thửa đất 46, tờ bản đồ số 30, diện tích 7.464 m^2 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 00469 do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 29/6/2009 cấp cho hộ ông Trần Hiếu N. Giáp ranh với thửa đất của gia đình bà là phần đất của ông Nguyễn Thanh P. Ranh giới giữa hai bên từ trước đến nay đã có cắm trụ cây sau đó bị hư hỏng. Quá trình sử dụng đất, ông P tự ý cắm trụ đá sai vị trí ranh và lấn chiếm đất của gia đình bà.

Theo đơn khởi kiện, ông N yêu cầu ông P trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích khoảng 70m^2 (ngang 1m x dài 70,53m), nay sau khi đo đạc xác định cụ thể phần đất lấn chiếm có diện tích 108,1m^2 nên ông N yêu cầu ông P trả lại phần đất có diện tích 108,1m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 04/10/2021, yêu cầu ông P nhổ các trụ rông tự cắm, trả lại diện tích đất cho ông N.

Ông Bùi Quang N1 - đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Ông Nguyễn Thanh P sử dụng phần đất có diện tích 2.827,9m^2, thửa số 45, tờ bản đồ số 30 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 02438 ngày 14/11/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thanh P. Khi ông P mua lại đất của ông Sáu H (ông H1) đã có sẵn các trụ đá. Khi mua đất thì dưới phần đất tranh chấp có đặt 01 ống bọng để lấy nước sử dụng chung cho hộ ông P và 01 hộ khác. Phần đất tranh chấp ông P đã sử dụng từ năm 2005 đến nay (ông P được cấp giấy từ năm 2018).

Phần chênh lệch diện tích của đất ông N được cấp lần đầu và lần hai dư 305m^2, nếu ông N tiếp tục đòi đất như yêu cầu khởi kiện thì dư ra 413,1m^2; trong khi đó diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P được cấp có diện tích 2.827,9m^2, sau khi đo đạc hiện trạng thì ông P sử dụng thực tế 2.570,3m^2. Như vậy ông P mất diện tích 257,6m^2. Ông P không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông N vì ông P không có lấn đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim L3 trình bày: Thống nhất với ý kiến ông Bùi Quang N1, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P1, bà Trần Thị L, ông Trần Văn L1, bà Trần Thị N2, bà Trần Thị T, bà Trần Thị L2, bà Trần Thị Lễ E thống nhất trình bày:

Ngày 29/6/2009 hộ ông Trần Hiếu N được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00469 đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ 30, diện tích 7.464m^2, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thửa đất số 46 về hướng Đông giáp thửa 45 của ông Nguyễn Thanh P. Quá trình sử dụng đất, ông P chiếm phần đất thửa 46 của ông N. Ông P1, bà L, ông L1, bà N2, bà T, bà L2, bà L4 Em thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông N, đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Người làm chứng ông Nguyễn Văn L5* trình bày:

Phần đất thửa số 45 do ông P đứng tên hiện nay có nguồn gốc do ông và bà Nguyễn Thị M tặng cho ông P vào năm 2018. Quá trình sử dụng thửa đất số 45 giữa ông P và hộ ông N có đóng cọc xác định ranh giới rõ ràng nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Bà Lễ E giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 108,1m^2, yêu cầu bị đơn trả lại 1.200.000 đồng chi phí tố tụng là chi phí đo đạc.

- Ông Bùi Quang N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để đo đạc lại, tiến hành đối chất giữa ông N và ông L5 là cha ruột ông P.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, 166, 175, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 202 và Điều 203 của Luật Đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hiếu N.

Buộc ông Nguyễn Thanh P trả lại ông Trần Hiếu N phần đất có diện tích 108,1m^2 thửa số 46, tờ bản đồ 30, diện tích 7.464m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00469 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Trần Hiếu N ngày 29/6/2009 (bao gồm phần cắt 46 diện tích 67,1m^2 và cắt 46 diện tích 41m^2 tại Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/10/2021). Vị trí phần đất như sau:

+ Bắc giáp thửa 89;

+ Nam giáp thửa 46;

+ Đông giáp thửa 45 của ông Nguyễn Thanh P;

+ Tây giáp thửa 46 của ông Trần Hiếu N.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Về việc hoàn lại chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Thanh P trả lại cho ông Trần Hiếu N chi phí đo đạc với số tiền 1.200.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 30/9/2024, bị đơn Nguyễn Thanh P có đơn kháng cáo yêu cầu: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Bùi Quang N1 - đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bà Trần Thị Lễ E – đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hiếu N không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P.

- Luật sư Phạm Ngọc D - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Hiếu N đưa ra nhiều lý lẽ, luận cứ để bảo vệ cho ông N, xác định bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành làm rõ các trụ đá hiện hữu nằm giữa con mương có phải là do trước đây ông N, ông L5 và ông Sáu H có thỏa thuận cắm trụ đá giữa con mương ranh để xác định ranh giới giữa 02 thửa đất hay không, chưa tiến hành đối chất giữa ông Nguyễn Văn L5 với ông Trần Hiếu N (vì ông Sáu H hiện tại đã chết) để làm rõ giữa ông N, ông L5 và ông Sáu H có thỏa thuận cắm trụ đá giữa con mương đang tranh chấp để xác định

ranh giới giữa thửa 45 và thửa 46 hay không, đồng thời chưa làm rõ hiện trạng trụ đá được cắm có phù hợp với hiện trạng theo thỏa thuận trước đây hay không.

Theo đo đạc ngày 04/10/2021 *(Bút lục 46)* thì bà Phan Thị H2 (người sử dụng thửa đất 44 tại phía Tây của thửa 45) có sử dụng đất lấn qua đất thửa 45 của ông P. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh lấy lời khai của bà H2 về việc có sử dụng lấn qua thửa đất 45 của ông P như đã thẩm định đo đạc thực tế hay không.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 45 trước đây là do ông Nguyễn Văn L5 và bà Nguyễn Thị M đứng tên, là chủ sử dụng đất tranh chấp trước ông P. Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét lấy lời khai của bà M để làm rõ thêm về quá trình sử dụng thửa đất 45 và về ranh đất như đã nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, nhưng lại tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hiếu N là chưa có cơ sở chứng cứ vững chắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, chưa xem xét đến nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trông tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ trông chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P1, bà Trần Thị L, ông Trần Văn L1, bà Trần Thị N2, bà Trần Thị T vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh P đối với thửa đất số 45 *(ông P được nhận tặng cho từ ông Nguyễn Văn L5, bà Nguyễn Thị M - Bút lục 61-63)* thì thấy chỉ có Trích lục bản đồ địa chính ngày 23/10/2018 với hình thể ranh đất là đường thẳng, không có Biên bản đo đạc xác định ranh giới thửa đất 45 để người sử dụng đất liền kề ký giáp ranh. *Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm,* người đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày: khi mua lại đất (thửa đất 45) của ông Sáu H (ông H1) thì đã có sẵn các trụ đá, có ranh sẵn *(Bút lục 126)* như kết quả thẩm định đo đạc *ngày 04/10/2021*, đồng thời ông L5 là chủ sử dụng thửa đất 45 trước đây trình bày: ranh đất thửa 45 vẫn ổn định không thay đổi từ trước cho đến nay.

Như vậy ranh của thửa đất 45 thực tế khi ông P nhận tặng cho từ ông L5 - bà M là không phù hợp, có mâu thuẫn với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trước đó cho ông L5, bà M và bản đồ địa chính khi làm thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh làm rõ vấn đề này.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất: Ông P nhận tặng cho quyền sử dụng đất thửa 45 từ ông L5 và bà M. Hiện trạng sử dụng đất phía chị L4 Em thừa nhận trước đây có xin chủ đất cũ là ông sáu H đặt bọng để tưới tiêu nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ vấn đề này, chưa xác định người quản lý sử dụng thửa đất 45 gồm ông L5, bà M và ông P đã lấn qua đất ông N vào thời gian nào, xảy ra việc lấn đất và làm thay đổi ranh đất của các bên vào khoảng thời gian nào, cũng chưa xác định được. Ngoài ra theo sơ đồ đo đạc ngày 04/10/2021 *(Bút lục 46)* thì thể hiện bà Phan Thị H2 (người sử dụng thửa đất 44 tại phía Tây của thửa 45) cũng có sử dụng lấn qua đất thửa 45 của ông P với diện tích là 238,4m^2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tiến hành xác minh lấy lời khai của bà H2 về việc có sử dụng lấn qua thửa đất 45 của ông P như đã thẩm định đo đạc thực tế hay không.

[2.3] Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 45 trước đây do ông Nguyễn Văn L5 và bà Nguyễn Thị M đứng tên, là chủ sử dụng đất tranh chấp trước ông P. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét lấy lời khai của bà M để làm rõ thêm về quá trình sử dụng thửa đất 45 và về ranh đất như đã nêu trên.

[2.4] Nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa xác minh làm rõ các vấn đề nêu trên nhưng lại tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hiếu N là chưa có cơ sở chứng cứ vững chắc.

[2.5] Từ những đánh giá phân tích trên cần hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 223/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang để xét xử lại, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.6] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên chưa xem xét đến nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh P.

[3] Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm 223/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét lại khi vụ án giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

H3 lại cho ông Nguyễn Thanh P số tiền 300.000 đồng tạm ứng dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016860 ngày 30/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 27/5/2025, có mặt bà Lễ E, ông P, bà L3./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2025-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Bình